

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 26/12/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh Tâm;
2. Ông Nguyễn Giáo Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công K để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 157/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông S - sinh năm: 1959, bà K – Sinh năm: 1963; Đồng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên – Đồng có mặt.

Bị đơn: Ông T (Còn có tên: N) – Sinh năm: 1976; bà V – Sinh năm: 1975; Đồng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Đồng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Do có quan hệ họ hàng xa nên khi vợ chồng ông T, bà V cần vốn làm ăn, vợ chồng ông S, bà K đã cho vợ chồng ông T bà V vay tiền nhiều lần. Khi vay, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 3%/tháng và khi nào vợ chồng ông S yêu cầu trả thì vợ chồng ông T sẽ trả. Mỗi lần vay tiền, ông T hoặc bà V đều viết giấy nợ. Từ năm 2010 đến 2015 đã vay tổng số tiền 252.880.000đ và 04 chỉ vàng 24k loại 9999. Vào ngày 20/10/2015 (Al) tức ngày 01/12/2015, ông T viết giấy nợ số tiền, vàng nói trên, ký tên là N (*Tên gọi khác của ông T*). Từ đó đến nay, ông T, bà V không trả khoản tiền, vàng nào; vợ chồng S đòi nhiều lần nhưng không được.

Nay, ông T thừa nhận còn nợ 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và 04 (*Bốn*) chỉ vàng 24k loại 9999 nên ông S, bà K cũng thống nhất ông T, bà V

còn nợ tổng cộng 230.000.000đ và 04 chỉ vàng y (loại 9999); yêu cầu ông T, bà V phải trả dứt điểm toàn bộ nợ gốc 230.000.000đ, lãi của số tiền này tính từ ngày 01/12/2015 (*Ngày viết giấy vay cuối cùng*) đến nay theo mức lãi suất quy định của pháp luật và 04 chỉ vàng 24k loại 9999. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn ông T trình bày:* Ông T và bà V cần vốn làm ăn nên có vay tiền ông S, bà K nhiều lần, đến nay còn nợ 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và 04 chỉ vàng 24k loại 9999. Khi vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất từ 03%-05%/tháng. Sau vay, đã trả lãi nhưng do trả lãi nhiều lần và thời gian khác nhau nên không nhớ rõ số tiền và thời gian đã trả, cũng như không có giấy tờ, chứng cứ gì cho việc đã trả lãi. Nay, vì hoàn cảnh khó khăn nên xin không trả lãi, chỉ trả dần tiền gốc 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và 04 chỉ vàng 24k loại 9999, mỗi năm trả dần 50.000.000đ, bắt đầu trả từ năm 2018 đến khi trả hết nợ. Đối với 04 chỉ vàng trả dứt điểm trong năm 2018.

Bị đơn bà V trình bày: Vợ chồng bà V, ông T có vay tiền, vàng của ông S, bà K nhiều lần, đến nay còn nợ số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và 04 chỉ vàng 24k loại 9999. Nay, xin không trả lãi, đối với gốc xin trả dần hàng năm, mỗi năm 50.000.000đ, bắt đầu trả từ năm 2018 đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông T, bà V phải trả cho vợ chồng ông S, bà K số tiền 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*), 04 chỉ vàng 24k loại 9999 và lãi theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T, bà V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T, bà V.

[2] Về áp dụng pháp luật: Xét thấy các bên hợp đồng vay tài sản từ năm 2013 – năm 2015, là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các giấy vay tiền không xác định thời hạn trả nợ. Nguyên đơn khai khi vay tiền, các bên thỏa thuận bằng lời nói khi nào nguyên

đơn yêu cầu trả nợ thì bị đơn phải trả. Như vậy, yêu cầu của ông S, bà K còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xác định loại hợp đồng vay: Ông S, bà K khai vợ chồng bà V, ông T vay tiền nhiều lần, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng, khi nào vợ chồng ông S đòi thì vợ chồng ông T phải trả. Bị đơn khai lãi suất thỏa thuận từ 3% -5%, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Như vậy, xác định Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi.

[5] Đối với yêu cầu trả vốn vay của nguyên đơn và yêu cầu xin trả dần của bị đơn:

Nguyên đơn ông S, bà K khai vợ chồng ông T, bà V có vay của vợ chồng ông S, đến nay còn nợ tổng số tiền 230.000.000đ gốc và 04 chỉ vàng 24k loại 9999. Bị đơn bà V khai vợ chồng bà chỉ còn nợ ông S, bà K số tiền 200.000.000đ và 04 chỉ vàng 24k loại 9999, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông S, bà K có cung cấp được chứng cứ là các giấy nợ và bị đơn ông T thừa nhận còn nợ 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*), 04 chỉ vàng. Như vậy, đủ cơ sở xác định vợ chồng ông T, bà V nợ vợ chồng ông S, bà K số tiền 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và 04 chỉ vàng 24k loại 9999 là sự thật.

Ông T, bà V xin được trả dần mỗi năm 50.000.000đ cho đến khi hết nợ; ông S, bà K không chấp nhận.

Xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên thuộc loại Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Theo Điều 477 Bộ luật dân sự 2005, trong trường hợp này bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, có báo trước một thời gian hợp lý; Theo Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Như vậy, khi ông S, bà K đòi lại tài sản thì ông T, bà V phải trả đủ cho ông S, bà K nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông T, bà V.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông T, bà V phải trả cho ông S, bà K số tiền vốn vay là 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) gốc và 04 (*Bốn*) chỉ vàng 24k loại 9999.

[6] Đối với yêu cầu trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi của số tiền 230.000.000đ tính từ ngày 01/12/2015 (*Ngày cuối cùng viết giấy vay*) đến nay theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Bị đơn xin không trả lãi vì hiện tại hoàn cảnh khó khăn.

Xét thấy: Nguyên đơn khai lãi suất thỏa thuận 3%. Bị đơn khai lãi suất từ 3% - 5%. Do các bên không thống nhất với nhau mức lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, xác định lãi suất vay là lãi cơ bản tại thời điểm vay 9%/năm.

Ông S, bà K khai sau khi vay vợ chồng ông T, bà V không trả khoản tiền lãi nào. Nay, yêu cầu tính lãi của số tiền 230.000.000đ từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 (*Ngày vay tiền cuối cùng*) đến ngày xét xử theo mức lãi suất quy định. Bị đơn khai có trả lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở cho rằng bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông S, bà K: Vợ chồng ông T, bà V phải trả lãi cho bà K, ông S tiền lãi của số tiền 230.000.000đ từ ngày 01/12/2015 đến nay là 03 năm 0 tháng 26 ngày với mức lãi suất 9%/năm: $(230.000.000đ \times 9\%/năm \times 3 \text{ năm}) + (230.000.000 \times 9\%/năm \times 26 \text{ ngày}) = 63.595.000đ$ (Sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: 15.379.750đ, quy tròn: 15.379.000đ (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) (Vàng 24k loại 9999 giá 3.500.000đ/chỉ).

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 477 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông T, bà V phải trả cho vợ chồng ông S, bà K số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) gốc, lãi đến tính đến ngày 26/12/2018 (Ngày xét xử sơ thẩm): 63.595.000đ (Sáu mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và 04 chỉ vàng 24k loại 9999. Tổng cộng: 293.595.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và 04 (Bốn) chỉ vàng 24k loại 9999.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T, bà V phải chịu 15.379.000đ (Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Hoàn lại cho ông S, bà K số tiền 6.652.000đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng) đã thu tại Biên lai thu tiền số 0003962 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huệ